

PHỤ LỤC 1.
DANH MỤC TỔ HỢP CÁC MÔN XÉT TUYỂN LIÊN THÔNG
GIỮA TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông báo số 1431 /TB-ĐHLN-ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2017
của Trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Tên ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển Học bạ năm lớp 12 hoặc theo điểm thi thi THPT 2017
1	Kế toán	52340301	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
2	Kinh tế Nông nghiệp	52620115	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
3	Kinh tế	52310101	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
4	Quản trị kinh doanh	52340101	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
5	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	52480104	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Hóa, Sinh D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
6	Quản lý đất đai	52850103	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
7	Lâm sinh	52620205	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Hóa, Sinh D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
8	Lâm nghiệp	52620201	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Hóa, Sinh D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
9	Lâm nghiệp đô thị	52620202	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Hóa, Sinh D01. Toán, Văn, Anh; A17. Toán, Lý, Khoa học xã hội

10	Kiến trúc cảnh quan	52580110	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A17. Toán, Lý, Khoa học xã hội C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
11	Khoa học môi trường	52440301	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
12	Quản lý tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	52620211	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
13	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	52908532	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
14	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	52510203	A00. Toán, Lý, Hóa; A01. Toán, Lý, Anh; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
15	Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ chế tạo máy)	52520103	A00. Toán, Lý, Hóa; A01. Toán, Lý, Anh; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
16	Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	A00. Toán, Lý, Hóa; A01. Toán, Lý, Anh; D01. Toán, Văn, Anh; A16. Toán, Văn, Khoa học TN
17	Công nghệ sinh học	52420201	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa; D08. Toán, Sinh, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
18	Khuyến nông	52620102	A00. Toán, Lý, Hóa; B00. Toán, Sinh, Hóa D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN
19	Thiết kế nội thất	52210405	A00. Toán, Lý, Hóa; D01. Toán, Văn, Anh; A17. Toán, Lý, Khoa học xã hội C15. Toán, Văn, Khoa học xã hội
20	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ)	52540301	A00. Toán, Lý, Hóa; D07. Toán, Hóa, Anh; D01. Toán, Văn, Anh. A16. Toán, Văn, Khoa học TN

PHỤ LỤC 2.
DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG
GIỮA TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Thông báo số 1431 /TB-ĐHLN-ĐT ngày 01 tháng 7 năm 2017
của Trường Đại học Lâm nghiệp)*

TT	Tên ngành	Môn cơ bản	Môn cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Kế toán	Toán học	Tài chính tiền tệ	Kế toán tài chính
2	Kinh tế nông nghiệp	Toán học	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp
3	Kinh tế	Toán học	Kinh tế học	Kinh tế phát triển
4	Quản trị kinh doanh	Toán học	Quản trị học	Quản trị kinh doanh
5	Hệ thống thông tin	Toán học	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cơ sở dữ liệu
6	Quản lý đất đai	Toán học	Trắc địa	Quản lý hành chính về đất đai
7	Lâm sinh;	Toán học	Sinh thái học	Kỹ thuật lâm sinh
8	Lâm nghiệp	Toán học	Sinh thái học	Kỹ thuật lâm sinh
9	Lâm nghiệp đô thị	Toán học	Lâm nghiệp đô thị đại cương	Kỹ thuật trồng cây gỗ đô thị
10	Kiến trúc cảnh quan	Toán học	Cơ sở tạo hình	Nguyên lý thiết kế cảnh quan
11	Khoa học môi trường	Toán học	Khoa học môi trường đại cương	Quản lý môi trường
12	Quản lý tài nguyên rừng	Toán học	Sinh thái học	Đa dạng sinh học
13	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Toán học	Địa chất tài nguyên thiên nhiên	Quản lý lưu vực
14	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Toán học	Kỹ thuật điện và điện tử	Lý thuyết mạch
15	Kỹ thuật cơ khí	Toán học	Cơ khí đại cương	Cấu tạo ô tô
16	Kỹ thuật công trình xây dựng	Toán học	Vật liệu xây dựng	Kỹ thuật thi công
17	Công nghệ sinh học	Sinh học	Di truyền học	Công nghệ tế bào thực vật
18	Khuyến nông	Toán học	Đánh giá nông thôn	Phương pháp khuyến nông
19	Công nghệ chế biến lâm sản	Toán học	Khoa học gỗ	Công nghệ mộc
20	Thiết kế nội thất	Toán học	Cơ sở tạo hình	Nguyên lý thiết kế nội thất